

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4575/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 12036/2021/QĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Wang Chi S, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2020, ngày 04/12/2020 và lời khai của nguyên đơn – bà Lê Thị Trúc L thì: Bà và ông Wang Chi S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh B, Việt Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 224, quyển số 01, ngày 27/10/2006. Sau khi kết hôn, ông Wang Chi S về Đài Loan. Tháng 4/2007, B sang Đài Loan chung sống

với ông Wang Chi S. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, ngôn ngữ và văn hóa, không tin tưởng nhau nên đến tháng 9/2008, B về Việt Nam sinh sống cho đến nay, B và ông W Chi Sheng không còn liên lạc với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Wang Chi S. Bà và ông Wang Chi S không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con, tài sản chung, nợ chung. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Ông.

Tòa án đã ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan, nơi bị đơn – ông Wang C Sheng cư trú, để tổng đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa và nhận được Thông báo của cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan về việc đã tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho ông Wang Chi S. Tuy nhiên, ông Wang Chi S không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 2, Điều 37; Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 224, quyển số 01 ngày 17/10/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Trúc L và ông Wang Chi S là hợp pháp. Xét thấy, giữa bà Lê Thị Trúc L và ông Wang Chi S không còn tình cảm vợ chồng, không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; cả hai sống ở hai nước khác nhau nên không có cơ hội hàn gắn. Tòa án đã ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông W Chi Sheng theo quy định pháp luật nhưng ông Wang Chi S không có hồi âm. Do đó, việc bà Lê Thị Trúc L xin ly hôn là có căn cứ, tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Khoản 1, Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Trúc L; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà Lê Thị Trúc L phải chịu theo quy định pháp luật là 300.000 đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Trúc L, cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Wang Chi S đang cư trú tại Lãnh thổ Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều

a, Khoản 2, Điều 38; Điểm c, Khoản 1, Điều 40; Điểm d, Khoản 1, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Lê Thị Trúc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Wang Chi S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị Trúc L và ông Wang Chi S.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 224, quyển số 01 ngày 17/10/2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Trúc L và ông Wang Chi S là hợp pháp. Từ tháng 9/2008 đến nay, vợ chồng bà Lê Thị Trúc L và ông Wang Chi S không chung sống; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Trúc L có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Trúc L trình bày Bà và ông Wang Chi S không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Lê Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Lê Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 37; Khoản 2, Điều 38; Điểm c, Khoản 1, Điều 40; Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 273; Điểm d, Khoản 1, Điều 469 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; Khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Trúc L được ly hôn ông Wang Chi S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Trúc L phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2019/0093235 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Trúc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Lê Thị Trúc L và 01 (một) tháng đối với ông Wang Chi S kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (TM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh